

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-PT

Ngày 26 - 01 - 2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Huân

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2020/KDTM – PT ngày 16/11/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 227/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ: Số 266 – 268 NK, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình V – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 130 – 132 LHP, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang H – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi

nhánh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 130 – 132 LHP, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P; địa chỉ: Số 54 TP, phường T1 thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương H1 – Chức vụ: Giám đốc, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Phi H2, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Phương H1, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 54 TP, phường T1 thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/10/2018, Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P có ký Hợp đồng tín dụng (Áp dụng cho phương thức hạn mức) số: LD1826800644 và phụ lục các điều khoản chung, phụ lục tài sản bảo đảm với Ngân hàng thương mại cổ phần A - chi nhánh Đắk Lắk, số tiền vay là: 12.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền vay, thời hạn thanh toán và mức lãi suất tại các giấy nhận nợ như sau:

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1916500383 ngày 14/06/2019, vay số tiền 1.000.000.000đ; lãi suất là: 9,0%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 14/12/2019. Dư nợ hiện tại: 1.000.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1901000319 ngày 10/01/2019, vay số tiền 3.100.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 10/07/2019. Khách hàng đã thanh toán 2.800.000.000đ, dư nợ hiện tại 300.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1901400524 ngày 14/01/2019, vay số tiền 1.200.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 15/07/2019. Khách hàng đã thanh toán 1.000.000.000đ, dư nợ hiện tại 200.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1902100474 ngày 21/01/2019, vay số tiền 1.900.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 22/07/2019. Khách hàng đã thanh toán 1.600.000.000đ, dư nợ hiện tại 300.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1902800217 ngày 28/01/2019 vay số tiền 2.000.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 29/07/2019. Khách hàng đã thanh toán 1.200.000.000đ, dư nợ hiện tại 800.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1903100522 ngày 31/01/2019 vay số tiền 1.200.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 31/07/2019. Khách hàng đã thanh toán 1.000.000.000đ, dư nợ hiện tại 200.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1904900555 ngày 18/02/2019 vay số tiền 1.200.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 19/08/2019. Khách hàng đã thanh toán 1.000.000.000đ, dư nợ hiện tại 200.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1905800357 ngày 27/02/2019, vay số tiền 2.000.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 27/08/2019. Khách hàng đã thanh toán 1.400.000.000đ, dư nợ hiện tại 600.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1906300329 ngày 04/03/2019, vay số tiền 1.750.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 04/09/2019. Khách hàng đã thanh toán 1.500.000.000đ, dư nợ hiện tại 250.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1908000716 ngày 21/03/2019, vay số tiền 450.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 21/09/2019. Dư nợ hiện tại 450.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1908600713 ngày 27/03/2019, vay số tiền 4.950.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 27/09/2019. Khách hàng đã thanh toán 4.200.000.000đ, dư nợ hiện tại 750.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1909200246 ngày 02/04/2019, vay số tiền 700.000.000đ; lãi suất là: 8,5%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 02/10/2019. Dư nợ hiện tại 700.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1910700144 ngày 17/04/2019, vay số tiền 3.000.000.000đ; lãi suất là: 9%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 17/10/2019. Dư nợ hiện tại 3.000.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1912200242 ngày 02/05/2019 vay số tiền 2.700.000.000đ; lãi suất là: 9%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 02/11/2019. Dư nợ hiện tại 2.700.000.000đ.

- Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số: LD1916100320 ngày 10/06/2019 vay số tiền 550.000.000đ; lãi suất là: 9%/năm cố định trong 3 tháng; Thời hạn vay: 06 tháng; Ngày trả nợ cuối cùng 10/12/2019. Dư nợ hiện tại 550.000.000đ

Tất cả các Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) trên có kỳ trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P có doanh số sử dụng tiền vay, ngân hàng đã giải ngân là 27.700.000.000đ và Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P đã trả tiền vay cho ngân hàng là 15.700.000.000đ. Số tiền gốc vay còn lại là 12.000.000.000đ và lãi suất.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 giữa bên thế chấp: Ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Đắk Lắk; Bên được cấp tín dụng: Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắk Lắk, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P bằng các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau:

Tài sản thế chấp 01: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 274, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, Đắk Lắk; Diện tích: 73m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509191 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1.

Tài sản thế chấp 02: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 261, Tờ bản đồ số: 11, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 79,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509192 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1. (Tài sản gắn liền với đất trên tài sản thế chấp 01 + 02: là 01 căn nhà ở, theo Giấy cam kết thế chấp của ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 ngày 03/10/2018).

Tài sản thế chấp 03: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 40, Tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, Diện tích: 239,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BB 645777 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/09/2010 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 (Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở, Diện tích xây dựng: 233,67m², Diện tích sàn: 622,92m², Kết cấu: Bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic; Cấp (hạng): III).

Quá trình vay vốn Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán trả tiền gốc và lãi như thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở thực hiện nghĩa vụ nhưng phía khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đồng thời cũng không bàn giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý theo quy định. Số tiền vay của Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P đã chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 15/06/2019.

Hiện nay dư nợ hiện còn: Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2020 là: 14.158.609.756 đồng. Trong đó tiền gốc: 12.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.553.968.079 đồng, lãi quá hạn: 604.641.677 đồng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần A đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P phải trả cho ngân hàng số tiền là: 14.158.609.756 đồng. Trong đó tiền gốc: 12.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.553.968.079 đồng, lãi quá hạn: 604.641.677 đồng (lãi tính đến ngày 25/9/2020) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 26/9/2020 cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng. Trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P không trả nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không hợp tác làm việc, cố tình lẩn tránh nên không lấy lời khai được.

Tại bản án sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 161; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 299; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền là: 14.158.609.756 đồng (Mười bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn, bảy trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc: 12.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.553.968.079 đồng, lãi quá hạn: 604.641.677 đồng (tiền lãi tính đến ngày 25/9/2020).

Kể từ ngày 26/9/2020 Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P trả nợ xong thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 509191 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 509192 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 645777 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/09/2010 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1.

Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 giữa bên thế chấp: Ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Đắk Lắk; bên được cấp tín dụng: Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm:

Tài sản thế chấp 01: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 274, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, Đắk Lắk; Diện tích: 73m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509191 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1.

Tài sản thế chấp 02: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 261, Tờ bản đồ số: 11, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 79,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509192 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 (Tài sản gắn liền với đất trên tài sản thế chấp 01 + 02 là 01 căn nhà).

Tài sản thế chấp 03: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 40, Tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, Diện tích: 239,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BB 645777 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/09/2010 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 (Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở, Diện tích xây dựng: 233,67 m², Diện tích sàn: 622,92 m², Kết cấu: Bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic; Cấp: III)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 và 08/10/2020, người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2

kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xác định đúng khoản nợ vay và thanh toán nợ vay theo hạn mức tín dụng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày 03/10/2018 và khoản vay ngoài hạn mức tín dụng của hợp đồng này; xác định cụ thể tiền vay lãi theo quy định và chính sách miễn giảm lãi suất vay hiện nay của Nhà Nước; hủy bỏ nội dung “Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ môi trường Phi Long không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 giữa bên thế chấp: Ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1 với bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần A”.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Ông Nguyễn Phi H2 là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Phi H2.

Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng: Việc vay mượn giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P với Ngân hàng Sài Gòn thương tín được thể hiện bằng hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày 03/10/2018 và phụ lục các điều khoản chung, phụ lục tài sản đảm bảo với Ngân hàng Sài Gòn Thương tín và hợp đồng thế chấp số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp trên được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày 03/10/2018 và hợp đồng thế chấp số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 là có hiệu lực pháp luật. Việc cấp sơ thẩm xác định khoản tiền lãi và xử lý tài sản thế chấp là đúng quy định. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo

của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2 hợp lệ về hình thức, được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kháng cáo ông Nguyễn Phi H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 312 BLTTDS 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Phi H2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác làm việc tại cấp sơ thẩm. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định: Đối với chữ ký, chữ viết và con dấu của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P; ông Nguyễn Phi H2; bà Nguyễn Thị Phương H1 trong Hợp đồng tín dụng số LD1826800644, các Giấy nhận nợ giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Đắk Lắk với Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P; ông Nguyễn Phi H2; bà Nguyễn Thị Phương H1. Tại kết luận giám định số 94/PC09 ngày 10/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Phi H2, Nguyễn Thị Phương H1 trong hợp đồng tín dụng số LD1826800644 đề ngày 03/10/2018 (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Phi H2 trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M5 (Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 03/10/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018; Bản tự khai của ông Nguyễn Phi H2 ngày 04/7/2019; Biên bản hòa giải ngày 16/7/2019) là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Phương H1 trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A16 (Hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày

03/10/2018; Giấy nhận nợ số LD 1916500383 ngày 14/6/2019; Giấy nhận nợ số LD1901000319 ngày 10/01/2019; Giấy nhận nợ số LD19011400524 ngày 14/01/2019; Giấy nhận nợ số LD1902100474 ngày 21/01/2019; Giấy nhận nợ số LD1902800217 ngày 28/01/2019; Giấy nhận nợ số LD1903100522 ngày 31/01/2019; Giấy nhận nợ số LD 1904900555 ngày 18/02/2019; Giấy nhận nợ số LD1905800357 ngày 27/02/2019; Giấy nhận nợ số LD1906300329 ngày 04/3/2019; Giấy nhận nợ số LD1908000716 ngày 21/3/2019; Giấy nhận nợ số LD1908600713 ngày 27/3/2019; Giấy nhận nợ số LD1909200246 ngày 02/4/2019; Giấy nhận nợ số LD1910700144 ngày 17/4/2019; Giấy nhận nợ số LD1912200242 ngày 02/5/2019; Giấy nhận nợ số LD1916100320 ngày 10/6/2019) so với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Thị Phương H1 trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M5 (Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 03/10/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018; Bản tự khai của bà Nguyễn Thị Phương H1 ngày 25/6/2019; Biên bản hòa giải ngày 16/7/2019) là do cùng một người ký và viết ra.

Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG P” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A16 (Hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày 03/10/2018; Giấy nhận nợ số LD 1916500383 ngày 14/6/2019; Giấy nhận nợ số LD1901000319 ngày 10/01/2019; Giấy nhận nợ số LD19011400524 ngày 14/01/2019; Giấy nhận nợ số LD1902100474 ngày 21/01/2019; Giấy nhận nợ số LD1902800217 ngày 28/01/2019; Giấy nhận nợ số LD1903100522 ngày 31/01/2019; Giấy nhận nợ số LD 1904900555 ngày 18/02/2019; Giấy nhận nợ số LD1905800357 ngày 27/02/2019; Giấy nhận nợ số LD1906300329 ngày 04/3/2019; Giấy nhận nợ số LD1908000716 ngày 21/3/2019; Giấy nhận nợ số LD1908600713 ngày 27/3/2019; Giấy nhận nợ số LD1909200246 ngày 02/4/2019; Giấy nhận nợ số LD1910700144 ngày 17/4/2019; Giấy nhận nợ số LD1912200242 ngày 02/5/2019; Giấy nhận nợ số LD1916100320 ngày 10/6/2019) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018) là do cùng một con dấu đóng ra.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Ngày 03/10/2018 Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P có ký Hợp đồng tín dụng (Áp dụng cho phương thức hạn mức) số: LD1826800644 và phụ lục các điều khoản chung, phụ lục tài sản bảo đảm với Ngân hàng thương mại cổ phần A - chi nhánh Đắk Lắk, số tiền vay là: 12.000.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền vay, thời

hạn thanh toán và mức lãi suất tại các Giấy nhận nợ (Áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) như trên, có kỳ trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P vay số tiền là 27.700.000.000đ và Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P đã trả tiền vay cho ngân hàng là 15.700.000.000đ. Số tiền gốc vay còn lại là 12.000.000.000đ và lãi suất.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan về việc: Từ ngày 04/3/2019 đến ngày 14/6/2019 Ngân hàng Sacombank giải ngân cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P 08 lần với tổng số tiền là 15.100.000.000đ. Đây là số tiền ngoài hạn mức của hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày 03/10/2018 (Vì từ ngày 10/01/2019 đến ngày 27/3/2019 Sacombank đã giải ngân 07 lần cho Công ty với tổng số tiền là 12.600.000.000đ, số tiền dư ra 600.000.000đ công ty đã thanh toán hết cho Ngân hàng cả gốc và lãi) và không thuộc phạm vi bảo đảm của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày 03/10/2018 mà Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P ký kết với Ngân hàng Sacombank là hợp đồng tín dụng theo phương thức hạn mức, với hạn mức là 12.000.000.000đ, thời hạn cấp hạn mức là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn giải ngân chậm nhất đến hết ngày 03/10/2019 (bút lục 184). Điều này có nghĩa là, trong thời hạn 01 năm từ ngày 03/10/2018 đến hết ngày 03/10/2019 Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P sẽ được giải ngân nhiều lần nhưng tổng số dư nợ không được vượt quá hạn mức là 12.000.000.000đ. Xét thấy từ ngày 10/01/2019 đến ngày 14/6/2019 Ngân hàng Sacombank đã giải ngân nhiều lần và Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P cũng đã trả nợ cho Ngân hàng nhiều lần, nhưng số dư nợ luôn được khống chế trong tổng hạn mức là 12.000.000.000đ. Do đó, bị đơn và người có quyền lợi liên quan cho rằng: Các khoản vay từ ngày 04/3/2019 đến ngày 14/6/2019 với tổng số tiền là 15.100.000.000đ là nằm ngoài hạn mức của hợp đồng tín dụng số LD1826800644 ngày 03/10/2018 và không thuộc phạm vi bảo đảm của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 giữa bên thế chấp: Ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Đắk Lắk; Bên được cấp tín dụng: Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P được công chứng tại Văn phòng công chứng Đắk Lắk,

Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 03/10/2018. Thấy rằng: Việc đăng ký thế chấp của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, đây là hợp đồng thế chấp hợp pháp. Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1 theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Do đó, kháng cáo của bà H1 về việc yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bỏ nội dung “Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ môi trường Phi Long không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 giữa bên thế chấp: Ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1 với bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần A” của bản án sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H1 là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

[3.1] Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Phương Hồng phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3.2] Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Phi H2 nên sung vào công quỹ nhà nước 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Phi H2 đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương H1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2020/KDTM-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 161; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 299; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền là: 14.158.609.756 đồng (Mười bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn, bảy trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc: 12.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.553.968.079 đồng, lãi quá hạn: 604.641.677 đồng (tiền lãi tính đến ngày 25/9/2020).

Kể từ ngày 26/9/2020, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi Công ty TNHH sản xuất thương mại và môi trường P trả nợ xong thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 509191 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản gắn liền với đất số BN 509192 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 645777 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/09/2010 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1.

Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 522/18/TC/DL ngày 03/10/2018 giữa bên thế chấp: Ông Nguyễn Phi H2, bà Nguyễn Thị Phương H1; bên nhận thế chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Đắk Lắk; bên được cấp tín dụng: Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ môi trường P là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm:

Tài sản thế chấp 01: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 274, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, Đắk Lắk; Diện tích: 73m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509191 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1.

Tài sản thế chấp 02: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 261, Tờ bản đồ số: 11, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; diện tích: 79,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509192 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/02/2013 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 (Tài sản gắn liền với đất trên tài sản thế chấp 01 + 02 là 01 căn nhà).

Tài sản thế chấp 03: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số: 40, Tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: Phường T1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, Diện tích: 239,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BB 645777 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/09/2010 mang tên ông Nguyễn Phi H2 và bà Nguyễn Thị Phương H1 (Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở, Diện tích xây dựng: 233,67 m², Diện tích sàn: 622,92 m², Kết cấu: Bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic; Cấp: III)

[2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương H1 phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được khấu trừ 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương

mại phúc thẩm theo biên lai số AA/2019/0013040 do bà Võ Thị Duyên nộp thay ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Sung vào công quỹ nhà nước 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai số AA/2019/0013049 do bà Trần Lê Xuân nộp thay ông Nguyễn Phi H2 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Duy Tuấn

